

**I. Điền vào mỗi chỗ trống một chữ cái để tạo thành từ đúng. Sau đó cho nghĩa tiếng Việt của từ.**

Ex: pl\_c\_ place : nơi chốn

1. s\_uv\_n\_r st\_r\_ : \_\_\_\_\_
2. r\_\_lw\_y st\_t\_\_n : \_\_\_\_\_
3. st\_d\_\_m : \_\_\_\_\_
4. r\_st\_\_r\_nt : \_\_\_\_\_
5. \_os\_it\_l : \_\_\_\_\_
6. m\_s\_\_m : \_\_\_\_\_
7. s\_p\_rm\_\_k\_t : \_\_\_\_\_
8. f\_c\_or\_ : \_\_\_\_\_

**II. Hoàn tất các câu, dùng các từ cho sẵn trong khung.**

bakery post office shoe store bank bookstore drugstore hotel movie theater

1. I usually buy shoes at the \_\_\_\_\_ near my house.
2. Nam is going to the \_\_\_\_\_ to buy some medicines.
3. Nga wants to see a movie. She will go to the \_\_\_\_\_ tonight.
4. She has lots of money in the \_\_\_\_\_.
5. We are going to stay at the New World \_\_\_\_\_.
6. Liz wants to mail a letter. She is going to the \_\_\_\_\_.
7. Bread is baked for sale in a \_\_\_\_\_.
8. I wanted to buy some novels, so I went to the \_\_\_\_\_.

**III. Điền vào chỗ trống các giới từ in, on, at, for, between, opposite, from, to.**

1. My house is \_\_\_\_\_ the bookstore and the school.
2. There is a market \_\_\_\_\_ front of my school.
3. The bus stop is \_\_\_\_\_ the right, \_\_\_\_\_ the post office.
4. Dad isn't \_\_\_\_\_ home right now. He's \_\_\_\_\_ work.
5. There is a supermarket \_\_\_\_\_ Nguyen Trai Street.
6. How far is it \_\_\_\_\_ Da Nang \_\_\_\_\_ Hue?
7. Turn left \_\_\_\_\_ the next crossroads. The bank is \_\_\_\_\_ your right.
8. It takes about two hours to get \_\_\_\_\_ Ha Noi by coach.

**IV. Dùng các từ gợi ý để đặt câu hỏi với "Where" và viết câu trả lời.**

Ex: bank// opposite/ hospital

Where is the bank? -The bank is opposite the hospital.

1. post office// next to/ bus stop  
\_\_\_\_\_
2. museum// font/ park  
\_\_\_\_\_
3. souvenir shop// between/ bookstore/ toystore  
\_\_\_\_\_

4. stadium// on/ Phan Dinh Phung Street

5. market// opposite/ movie theater

6. students// in/ library

7. supermarket// near/ hospital

8. drugstore// left/ my house

**V. Dùng các từ gợi ý để đặt câu hỏi với “How far ...?” và viết câu trả lời.**

Ex: bus stop/ school// 200 meters.

*How far is it from the bus stop to school? -It's about 200 meters.*

1. your house/ Ben Thanh market// one kilometer

2. post office/ bakery// 800 meters

3. Ha Noi/ Hue// 680 kilometers

4. your house/ school// 500 meters

5. Da Nang/ Ho Chi Minh City// 900 kilometers

6. Ha Noi/ Ho Chi Minh City// 1,700 kilometers

7. your school/ public library// two kilometers

8. Hue/ Da Nang// 100 kilometers

**VI. Sắp xếp các câu sau thành đoạn hội thoại hợp lý.**

\_\_\_\_\_ Is there a department store near the hotel?

\_\_\_\_\_ It's not far - just about one kilometer.

\_\_\_\_\_ The Metropole Hotel? OK. Go straight ahead. Take the second street on the left.

\_\_\_\_\_ The hotel is on your right.

\_\_\_\_\_ Thank you very much.

\_\_\_\_\_ No, there isn't. But there is a supermarket in the neighborhood.

\_\_\_\_\_ You're welcome.

\_\_\_\_\_ 1 Excuse me. Could you show me the way to the Metropole Hotel?

\_\_\_\_\_ How far is it from the hotel to the supermarket?